

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 11 - Mua sắm xe ô tô tải phục vụ đào tạo lái xe hạng C1, C;
- Tên dự toán: Mua sắm xe ô tô chuyên dùng và xe ô tô phục vụ công tác chung;
- Tên Chủ đầu tư: Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp;
- Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp và quỹ PTHĐSN;
- Nội dung chính của gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô tải hạng C1, 02 xe ô tô tải hạng C phục vụ đào tạo lái xe;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng;
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa /dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Xe ô tô tải hạng C1	1.1. Động cơ: - Dung tích xy lanh ≥ 2.289 cc - Công suất cực đại ≥ 140 Ps/3.000 vòng/phút - Mômen xoắn cực đại ≥ 285 Nm/1.600-2.600 vòng/phút 1.2. Hộp số ≥ 06 số tiến, 01 số lùi 1.3. Kích thước: - Kích thước tổng thể (Dài x Rộng x Cao) $\geq 6400 \times 2070 \times 2895$ mm - Chiều dài cơ sở ≥ 3400 mm - Khoảng sáng gầm xe ≥ 175 mm - Bán kính vòng quay nhỏ nhất ≥ 6.760 mm 1.4. Khối lượng - Khối lượng bản thân ≥ 2.900 kg - Khối lượng toàn bộ ≥ 4.995 kg 1.5. Trang bị tiêu chuẩn

		<ul style="list-style-type: none"> - Điều hoà 2 chiều nóng - lạnh - 01 phanh phụ đào tạo lái xe - Thùng xe có kết cấu mui cứng, vách thùng tôn kẽm hoặc tương đương. Phía sau thùng mở 1 bửng sau, phía trên để trống. Trong thùng có 2 hàng ghế có thể gấp gọn được, ghế có bọc nệm <p>1.6. Bảo hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo hành ≥ 03 năm hoặc 100.000 km, tùy theo điều kiện nào đến trước
2	Xe ô tô tải hạng C	<p>1.1. Động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích xy lanh ≥ 2.970 cc - Công suất cực đại $\geq 118\text{kW}/3.000$ vòng/phút - Mômen xoắn cực đại $\geq 480\text{Nm}/1.600-2.300$ vòng/phút <p>1.2. Hộp số ≥ 06 số tiến, 01 số lùi</p> <p>1.3. Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước tổng thể (Dài x Rộng x Cao) $\geq 8.230 \times 2.360 \times 3.050$ mm - Chiều dài cơ sở ≥ 4.500mm - Khoảng sáng gầm xe ≥ 200 mm - Bán kính vòng quay nhỏ nhất ≥ 8.330 mm <p>1.4. Khối lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng bản thân ≥ 4.420 kg - Khối lượng toàn bộ ≥ 12.515 kg <p>1.5. Trang bị tiêu chuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều hoà 2 chiều nóng - lạnh - 01 phanh phụ đào tạo lái xe - Thùng xe có kết cấu mui cứng, vách thùng tôn kẽm hoặc tương đương. Phía sau thùng mở 1 bửng sau, phía trên để trống. Trong thùng có 2 hàng ghế có thể gấp gọn được, ghế có bọc nệm <p>1.6. Bảo hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo hành ≥ 03 năm hoặc 100.000 km, tùy theo điều kiện nào đến trước

1.3. Các yêu cầu khác: không có

Mục 2. Bản vẽ: không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: không yêu cầu